TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2022/DS-ST
Ngày 07 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp tiền hụi, hợp đồng vay và mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm;
Ông Nguyễn Hoàng Dân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 05, 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 496/2022/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp tiền hụi, hợp đồng vay và mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thiệu Thị K (K’), sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thiên L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Trịnh Thiên L có mối quan hệ quen biết nhau do bà là người giúp việc nhà cho bà L, bà L biết bà có số tiền hụi gần mãn bà định để cất nhà chưa dùng đến nên từ tháng 01/2021 đến ngày 24/4/2021 âm lịch, bà L hỏi mượn 11 phần hụi (11 chưng) của bà với tổng số tiền 340.000.000đ (có viết biên nhận) bà L hẹn đến tháng 11/2021 âm lịch sẽ hoàn trả để bà cất nhà.

Đồng thời, bà đứng ra vô dùm hụi và hốt tổng cộng 14 phần hụi cho bà L, tuy nhiên đến tháng 02/2022 âm lịch bà L không đóng hụi chết cho các chủ hụi. Do đó, bà phải đóng hụi từ tháng 02/2022 âm lịch cho đến tháng 11/2022 âm lịch là 10

tháng x 18.000.000đ/tháng (14 phần hụi chết) với số tiền 180.000.000đ, số tiền hụi chết còn lại chưa đóng cho các chủ hụi là 191.000.000đ.

Đến tháng 10/2021 bà L có hốt 05 phần hụi được tổng số tiền 130.010.000đ, bà L trả cho bà 112.010.000đ nhưng bà L mượn lại bà 20.000.000đ. Đối trừ số tiền 340.000.000đ, bà L còn nợ lại bà 227.990.000đ.

Ngoài ra, bà L còn nhờ bà vay dùm 02 lần: Lần thứ nhất vào ngày 24/3/2021, vay 30.000.000đ tiền góp, bà L góp được 20.000.000đ, hiện bà L còn nợ lại số tiền 16.000.000đ.

Lần thứ hai: Vào ngày 06/10/2021 vay số tiền là 20.000.000đ, lãi suất vay 5%/tháng, mỗi tháng bà L đóng lãi 1.000.000đ, bà L đóng lãi đến tháng 01/2022 âm lịch thì ngưng. Tuy nhiên, từ tháng 02/2022 âm lịch bà L không đóng lãi, bà đóng lãi cho bà L 08 tháng từ tháng 02/2022 – 9/2022 với số tiền 8.000.000đ.

Tổng tiền vay 36.000.000đ.

Bên cạnh đó, bà cho bà L mượn 10.000.000đ để bà L đóng hụi. Ngoài ra, bà L còn nợ tiền vịt của bà số tiền 10.200.000đ.

Tổng cộng bà L nợ bà số tiền 468.190.000đ và 191.000.000đ số tiền hụi chết còn lại chưa đóng cho các chủ hụi.

Nay bà yêu cầu bà Trịnh Thiên L hoàn trả cho bà số tiền 468.190.000đ và 191.000.000đ số tiền hụi chết còn lại chưa đóng cho các chủ hụi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và bổ sung tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh Thiên L trình bày:

Bà thừa nhận có mượn 11 phần hụi (11 chưng) của bà K tổng số tiền 340.000.000đ, có viết biên nhận ngày 24/4/2021 âm lịch. Ngoài ra, bà thừa nhận có nhờ bà K vô dùm 14 chưng hụi (14 phần), bà đóng hụi đến cuối tháng 3/2022 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Đến tháng 10/2021 bà hốt 05 chưng hụi được số tiền 210.000.000đ, bà dùng số tiền này trả cho bà K đối với khoản tiền nợ 340.000.000đ, đối trừ hiện bà còn nợ lại bà K 130.000.000đ.

Đối với hai lần vay bà thừa nhận có vay, có nợ bà K 36.000.000đ và tiền mượn 10.000.000đ. Tổng cộng nợ bà K 46.000.000đ, sau đó bà bán nhà và thanh toán cho bà K xong số tiền này.

Đối với tiền mua vịt 10.200.000đ bà thừa nhận còn nợ bà K.

Đối với tiền hụi bà thừa nhận bà K đã đóng thay bà 07 chân hụi với tổng số tiền 186.000.000đ, bà đồng ý trả khoản này cho bà K.

Nay bà K yêu cầu bà trả tổng số tiền 468.190.000đ và 191.000.000đ số tiền hụi chết còn lại chưa đóng cho các chủ hụi, bà không đồng ý. Đối trừ các khoản bà đã trả cho bà K, bà thừa nhận còn nợ và đồng ý trả tiếp cho bà K số tiền 330.200.000đ, gồm: 130.000.000đ tiền mượn hụi, 186.000.000đ tiền hụi chết chưa đóng, 10.200.000đ tiền mua vịt, 4.000.000đ tiền lãi bà K đã trả thay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi, tiền vay và tiền mua bán nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tiền hụi, hợp đồng vay và hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện, bà K yêu cầu bà L trả số tiền 770.190.000đ. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà K có thay đổi yêu cầu, bà xác định yêu cầu bà L trả tổng cộng số tiền là 659.190.000đ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét từng mối quan hệ tranh chấp:

- Đối với tiền hụi cho mượn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền hụi cho mượn từ tháng 01/2021 đến ngày 24/4/2021 âm lịch, bà L hỏi mượn 11 phần hụi (11 chưng) với tổng số tiền 340.000.000đ, có viết biên nhận và được bà L đồng ý thừa nhận. Vấn đề các đương sự tranh chấp là khoản tiền đã thanh toán. Nguyên đơn xác định bị đơn có trả được số tiền 112.010.000đ, bị đơn xác định đã trả 210.000.000đ, khi trả không làm giấy tờ. Xét thấy: Nguyên đơn không thừa nhận số tiền bị đơn trả, cũng không tài liệu chứng minh vì vậy có cơ sở chấp nhận lời thừa nhận của nguyên đơn có nhận của bị đơn số tiền 112.010.000đ.

Đối trừ: 340.000.000đ – 112.010.000đ = 227.990.000đ (1).

- Đối với tiền vay dùm, tiền mượn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng cộng 46.000.000đ, bị đơn thừa nhận có nhờ bà K vay dùm và bà K cho mượn tổng cộng là 46.000.000đ như nguyên đơn trình bày, không nhớ thời gian. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định bà L chưa thanh toán khoản tiền này, bị đơn cho rằng đã trả đủ khi bán được nhà, khi trả không ghi giấy tờ chỉ nói miệng, vì vậy chấp nhận yêu cầu nguyên đơn kiện đòi bị đơn hoàn trả số tiền 46.000.000đ (2).

- Đối với tiền mua bán vịt: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền mua vịt tổng cộng 10 toa với số tiền 10.200.000đ, bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua vịt 10.200.000đ của nguyên đơn, vì vậy có cơ sở buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.200.000đ (3).

- Đối với tiền lãi đã thanh toán thay: Bà K yêu cầu bà L hoàn trả số tiền 4.000.000đ, bà L thống nhất trả theo yêu cầu bà K. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận bà L nợ bà K 4.000.000đ (4);

- Đối với tiền hụi vô dùm: Bà K cho rằng bà L nhờ bà vô dùm 14 phần hụi (14 chưng) và đã hốt toàn bộ 14 phần. Bà L thừa nhận có nhờ bà K vô dùm 14 phần hụi và đã hốt như nguyên đơn trình bày. Điều này cũng phù hợp với lời khai của các chủ hụi về việc bà K vô hụi dùm bà L. Bởi lẽ, các chủ hụi cho rằng người trực tiếp vô hụi và đóng hụi là bà K, trên danh sách hụi viên ghi tên L là theo yêu cầu bà K. Tuy nhiên, bà K xác định trong 14 phần hụi gồm: Chủ hụi Lê Văn P (06 P) 08 phần; bà Phạm Thị N 03 phần; ông Lâm Văn T 01 phần; bà Tô Thị R 02 phần. Đối với bà L thừa nhận 14 phần hụi nhờ vô và hốt dùm gồm: Ông P 03 phần, bà N 03 phần, ông T 01 phần, còn lại 07 phần là nhờ bà K vô dùm chị Lương Thị M. Cụ thể 07 phần hụi bà K và bà L thống nhất tiền hụi chết phải đóng lại gồm:

+ Chủ hụi P: Hụi 2.000.000đ: Còn 11 kỳ hụi chết x 03 phần x 2.000.000đ = 66.000.000đ;

+ Chủ hụi N: Hụi 2.000.000đ: Còn 19 kỳ hụi chết x 01 phần x 2.000.000đ = 38.000.000đ.

Hụi 1.000.000đ: Còn 22 kỳ x 01 phần x 1.000.000đ = 22.000.000đ.

Hụi 1.000.000đ: Còn 31 kỳ x 01 phần x 1.000.000đ = 31.000.000đ.

+ Chủ hụi T: Hụi 1.000.000đ: Còn 29 kỳ x 01 phần x 1.000.000đ = 29.000.000đ.

Tổng cộng: 07 phần hụi chết chưa đóng 186.000.000đ. Số tiền này cả nguyên và bị đơn thống nhất với nhau, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 186.000.000đ (5).

- Đối với 07 phần hụi còn lại bà K xác định chủ hụi là ông P 05 phần, bà R 02 phần với tổng số tiền phải đóng hụi chết là 185.000.000đ; bà L xác định 07 phần hụi bà nhờ bà K vô dùm là hụi của chị Lương Thị M loại hụi 2.000.000đ và phải đóng lại hụi chết là 315.000.000đ (01 phần phải đóng hụi chết 45.000.000đ x 07 phần). Tuy nhiên, qua làm việc với chị M thì được biết bà K bảo lãnh cho bà L vô hụi chị M, hiện bà K không còn tham gia hụi của chị làm chủ cách nay khoảng 02 năm. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự thống nhất có nhờ bà K vô dùm 07 phần hụi và đã hốt, việc này phù hợp với giấy ghi theo dõi và đối chiếu do bà L cung cấp thể hiện hụi ông P 05 phần (BL 82, 83), mặc dù bà L thừa nhận hụi vô dùm còn 07 phần với số tiền phải đóng hụi chết là 315.000.000đ nhưng bà K chỉ yêu cầu 185.000.000đ, điều này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận lời trình bày của bà K là có cơ sở. Cụ thể:

+ Chủ hụi P: Hụi 1.000.000đ còn 25 kỳ x 05 phần = 125.000.000đ.

+ Chủ hụi R: Hụi 1.000.000đ còn 30 kỳ x 02 phần 60.000.000đ.

Tổng cộng: 07 phần hụi chết chưa đóng 185.000.000đ, số tiền này buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp (6).

Cộng (1) (2) (3) (4) (5) (6) bằng tổng số tiền 659.190.000đ số tiền này cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với bà Cao Thị Y, Lương Thị M không liên quan trong vụ án nên không đưa vào tham gia tố tụng. Trường hợp các bên không thỏa thuận được có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 463; 466; 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trịnh Thiên L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thiệu Thị K tổng số tiền còn nợ là: 659.190.000đ (Sáu trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Thiệu Thị K không phải nộp án phí. Vào ngày 10/10/2022 bà K đã dự nộp số tiền 17.404.000đ, tại lai thu số 0002111 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Trịnh Thiên L phải nộp 30.367.600đ (chưa nộp).

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu